

Bản án số: 212/2024/HC-PT

Ngày: 22 - 3 - 2024

V/v “Khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Hà Huy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 850/2023/TLPT-HC ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 13/2023/HC-ST ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 266/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1953 (có mặt);

Địa chỉ: Số I, tổ A, khóm C, phường C B, thành phố C, tỉnh An Giang.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Quang T1 – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn P – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C (xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị Phương L, sinh năm 1980 (xin xét xử vắng mặt)

(Hiện là Trưởng phòng Tư pháp thành phố C).

Địa chỉ: Số A đường L, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện ông Phạm Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Diễn biến nội dung sự việc như sau:

Ông Phạm Văn T là người có đơn khởi kiện hành vi của bà Phan Thị Phương L – Trưởng ban tiếp công dân thành phố C chuyển đơn ông đề ngày 27/12/2018 về Ủy ban nhân dân phường C là không đúng thẩm quyền. Đồng thời ông yêu cầu Ủy ban nhân dân phường C A thành phố Châu Đốc cấp phép cho vợ chồng ông được sửa chữa nhà ở; ông yêu cầu được bồi thường, được cấp nền nhà ở, được tiền hỗ trợ di dời đối với diện tích đất bị giải tỏa.

Ngày 22/01/2021 Tòa án nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quyết định số 01/2021/QĐST-HC đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T.

Ngày 01/02/2021 ông T kháng cáo.

Tại Quyết định số 96/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 01 năm 2022 của TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 01/2021/QĐST-HC ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang tiếp tục giải quyết theo quy định pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án lại, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang ra Thông báo thu thập chứng cứ, yêu cầu ông Phạm Văn T cung cấp họ, tên, năm sinh, địa chỉ nơi cư trú của những người có quyền lợi liên quan được bồi thường tiền, được cấp nền nhà, được hỗ trợ tiền tại khu vực cầu H, thuộc khóm E, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang (theo trình bày của ông). Cụ thể: Vợ chồng T2 – Gái đã nhận nền phường C và phường V. Ông T3 đã nhận nền phường C và phường V. Bà S đã nhận nền phường C và phường V. Ông T4 đã nhận nền phường V và phường V. Ông B đã nhận nền phường V và phường V.

Tại văn bản ngày 29/11/2022 ông T trình bày: Vợ chồng ông có nhà ở cầu H phía bờ sông thuộc phường C, ngang 5m dài 18m. Tổng diện tích 90m² đất bị giải tỏa lần thứ nhất không được cấp nền nhà ở, không được bồi thường tiền, không được hỗ trợ tiền. Lần giải tỏa thứ hai (nền nhà ở của vợ chồng ông còn nguyên hiện trạng cũ) không được cấp nền nhà ở, không được bồi thường tiền, không được hỗ trợ tiền. Những hộ sống lân cận như hộ bà S, vợ chồng ông T2, bà G, hộ ông T3, hộ ông B1 (ở dưới ghe như ông), hộ ông T4 (ở dưới ghe). Các hộ nêu trên đều được chính quyền địa phương cấp nền nhà ở lần thứ nhất, sau đó được cấp lần thứ hai nhưng hộ của gia đình ông có hoàn cảnh giống như họ mà không được cấp đất lần nào cả.

Ngoài ra ông T cho rằng có làm đơn xin phép sửa chữa nhà ở các ngày 13/10/2018, ngày 29/11/2018 nhưng không được giải quyết. Ông còn cung cấp Đơn xin thỉnh cầu được hưởng chính sách đãi ngộ người có công ngày 12/5/1995 được chính quyền địa phương xác nhận.

Kèm theo đơn kiện, ông T còn tố cáo nhiều người khác là cán bộ phường C, Ban tiếp công dân thành phố C, thẩm phán Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc và thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Tại biên bản làm việc ngày 15/02/2022 tại B, phường C, thành phố C tiến hành lấy lời khai của các ông, bà Trần Ngọc B2 sinh năm 1966; ông Nguyễn Văn H (Thủ), sinh năm 1955; bà Đinh Thị H1 (Gái), sinh năm 1960; ông Nguyễn Văn T5; ông Hà Văn T6, sinh năm 1955. Các hộ này xác định: Trước kia ông T có nhà ở bờ sông nhưng ông T đã tự dỡ đi từ lâu. Tại thời điểm kiểm đếm lập danh sách bồi thường (năm 2015 – 2016) thì hộ ông T hoàn toàn không có ghe, nhà nằm trong khu vực di dời, giải tỏa để mở rộng chợ vào năm 2017.

Biên bản làm việc ngày 26/5/2023 tại Phòng tư pháp thành phố Châu Đốc bà Phan Thị Phương L trình bày: Vào khoảng cuối năm 2018 ông T có đơn khiếu nại gửi đến Ban tiếp công dân thành phố C. Tuy nhiên đơn của ông không nêu rõ vấn đề gì cụ thể nên Ban tiếp công dân thành phố C yêu cầu ông T chuyển về phường C để làm rõ yêu cầu khiếu nại, sau đó ông T liên tiếp khiếu nại nhiều nơi, vượt cấp nhưng nội dung lại không cụ thể yêu cầu vấn đề nào cả. Ban tiếp công dân đã thông báo cho ông T biết việc chuyển đơn theo quy định. Đối với việc ông T yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố C cấp phép cho gia đình ông sửa chữa nhà ở không thuộc thẩm quyền của Ban tiếp công dân tại thời điểm nhận đơn nên hướng dẫn ông về thực hiện các thủ tục tại phường C. Ông T yêu cầu bồi thường tiền đối với diện tích đất bị thu hồi do ông không nêu cụ thể về bồi thường vấn đề gì trong đơn nên Ban tiếp công dân yêu cầu ông trình bày cụ thể để Ủy ban nhân dân phường C ghi nhận và báo cáo cho Ủy ban nhân dân thành phố C làm rõ yêu cầu khiếu nại của ông T.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố C có đơn xin vắng các buổi làm việc đồng thời có văn bản số 3035/UBND-NC ngày 18 tháng 7 năm 2023 trình bày như sau: Căn cứ vào Tờ trình 318/TTr-STNMT ngày 31/8/2015 của Sở T8 về việc phê duyệt phương án bồi thường dự án đầu tư xây dựng Kè chống sạt lở cấp bách kết hợp đê bao chống lũ bờ sông thành phố C (đoạn từ C đến đường S). Địa điểm phường C, thành phố C.

a. Về đất: Không bồi thường, hỗ trợ về đất do các hộ dân này cất nhà trên đất thuộc hành lang an toàn sông, rạch.

b. Về nhà, vật kiến trúc: có 200 hộ bị ảnh hưởng (trong đó 178 hộ dân bị ảnh hưởng nhà ở và vật kiến trúc; 21 hộ ở trên ghe, bè, nhà đùm trên sông và 01 hộ có nhà ở thuê). Và được Ủy ban nhân dân tỉnh P1 phương án bồi thường dự án đầu tư xây dựng Kè chống sạt lở cấp bách kết hợp đê bao chống lũ bờ sông thành phố C (đoạn từ C đến đường S) theo Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2015. Qua rà soát thì hộ ông Phạm Văn T, sinh năm 1953, cư trú: số I, tổ A, khóm C, phường C B, thành phố C, tỉnh An Giang, không có tên trong phương án bồi thường dự án đầu tư xây dựng hệ chống sạt lở cấp bách kết hợp đê bao chống lũ bờ sông thành phố C (đoạn từ C đến đường S).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Phương L – Văn phòng tiếp công dân thành phố C tại văn bản trình bày ngày 10/7/2023 có ý kiến

như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân các cấp bà xác định nội dung đơn của ông Phạm Văn T trình bày không rõ ràng, cụ thể chủ yếu mang tính chất khiếu nại Ủy ban nhân dân phường C không cho phép sửa chữa nhà. Do vậy, để giúp ông T hạn chế việc đi lại nhiều lần và thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực thành ủy nên Ban tiếp công dân đã chuyển đơn của ông T đến Ủy ban nhân dân phường C để được xem xét giải quyết theo thẩm quyền, vừa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T. Do bận công tác nên bà L yêu cầu vắng mặt suốt quá trình tố tụng vụ án hành chính.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 13/2023/HC-ST ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định như sau:

- Bác yêu cầu của ông Phạm Văn T về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố C cấp phép để ông sửa chữa căn nhà ở tổ B, khóm E, phường C.

- Bác yêu cầu của ông Phạm Văn T khởi kiện đòi bồi thường tiền, cấp nền nhà ở, tiền hỗ trợ di dời tái định cư.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/9/2023 người khởi kiện ông Phạm Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Phạm Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bản án sơ thẩm, với các lý do: Bản án sơ thẩm đã nhận định không đúng, không xem xét đến các tài liệu chứng cứ mà người khởi kiện cung cấp; Người khởi kiện đã có đơn tố cáo hành vi trái pháp luật của cán bộ địa phương trong việc thu hồi, bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất nhưng cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết; quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện; Đề nghị Hội đồng xét xử chuyển hồ sơ vụ án sang cơ quan công an để xem xét, điều tra hành vi của các cán bộ có liên quan đến việc thu hồi, bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất. Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Vụ án từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T nêu 03 nội dung kháng cáo gồm: Tố cáo cán bộ địa phương, hủy bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ sang cơ quan công an

Đối với yêu cầu về việc giải quyết đơn tố cáo của ông T là không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Về vấn đề bồi thường thì việc thực hiện dự án, phân đất ông T không bị ảnh hưởng nên không có tên trong danh sách bồi thường. Do đó, bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ, đề

ngợi Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính để tiến hành xét xử vụ án.

[2] Ông Phạm Văn T cho rằng: Vợ chồng ông có nhà ở cầu H phía bờ sông thuộc phường C, ngang 5m dài 18m. Tổng diện tích 90m² đất bị giải tỏa lần thứ nhất không được cấp nền nhà ở, không được bồi thường tiền, không được hỗ trợ tiền. Lần giải tỏa thứ hai (nền nhà ở của vợ chồng ông còn nguyên hiện trạng cũ) không được cấp nền nhà ở, không được bồi thường tiền, không được hỗ trợ tiền. Những hộ sống lân cận như hộ bà S, vợ chồng ông T2, bà G, hộ ông T6, hộ ông B2 (ở dưới ghe như ông), hộ ông T5 (ở dưới ghe), các hộ nêu trên đều được chính quyền địa phương cấp nền nhà ở lần thứ nhất, sau đó được cấp lần thứ hai, nhưng hộ của gia đình ông có hoàn cảnh giống như họ mà không được cấp đất. Vào các ngày 13/10/2018, ngày 29/11/2018 ông T có làm đơn xin phép sửa chữa nhà ở nhưng không được giải quyết. Ông còn cung cấp Đơn xin thỉnh cầu được hưởng chính sách đãi ngộ người có công ngày 12/5/1995 được chính quyền địa phương xác nhận. Do đó, ông T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Khởi kiện hành vi của bà Phan Thị Phương L – Trưởng Ban tiếp công dân thành phố C chuyển đơn ông đề ngày 27/12/2018 về Ủy ban nhân dân phường C là không đúng thẩm quyền

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C cấp phép cho vợ chồng ông được sửa chữa nhà ở;

- Yêu cầu được bồi thường tiền, được cấp nền nhà ở, được tiền hỗ trợ di dời đối với diện tích đất bị giải tỏa

Ngoài ra, kèm theo đơn khởi kiện ông T còn tố cáo nhiều người khác là cán bộ phường C, Ban tiếp công dân thành phố C, thẩm phán Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc và thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

[3] Bản án sơ thẩm nhận định:

[3.1] Ngày 31/10/2018, ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Cô G1 có Đơn xin phép sửa chữa nhà ở gửi Ủy ban nhân dân phường C. Cụ thể là sửa căn nhà tọa lạc trên phần đất giữa “bar đúc” số 371 – 373, đường T, khóm E, phường C, thành phố C. Ngày 29/11/2018, Ủy ban nhân dân phường C tổ chức cuộc họp với các đơn vị chuyên môn để giải quyết nội dung xin phép sửa chữa nhà của ông Phạm Văn T. Tại cuộc họp, các đơn vị đã thống nhất không cho phép ông T xin sửa chữa nhà. Ngày 27/12/2018, ông T gửi đơn tố cáo nội dung

vụ việc đến Ủy ban nhân dân thành phố C và cơ quan đơn vị. Tuy nhiên, các nội dung ông T đề cập trong đơn mang tính chất khiếu nại Ủy ban nhân dân phường C không cho phép ông T sửa chữa nhà. Vì phần ông T xin sửa chữa là hẻm công cộng mà ông chiếm dụng để cư trú. Năm 2010 ông T có yêu cầu được cấp quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên nhưng Ủy ban nhân dân thành phố C đã bác yêu cầu. (Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 27/7/2010 và Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 05/11/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh A).

Ban tiếp công dân thành phố C ban hành Văn bản số 05/BTCD ngày 27/2/2019 chuyển đơn của ông T đến Ủy ban nhân dân phường C giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật tiếp công dân năm 2013, Ban tiếp công dân thành phố C chuyển đơn xin phép sửa chữa nhà của ông Phạm Văn T đến Ủy ban nhân dân phường C xem xét giải quyết là đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Mặt khác, việc chuyển đơn nhằm chỉ đạo, điều hành không làm phát sinh đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Văn T, đồng thời không phải là hành vi hành chính, không là đối tượng bị khiếu kiện.

[3.2] Theo trình bày trong đơn khởi kiện thì căn nhà ông T xin sửa chữa địa chỉ tổ B, khóm E, phường C tọa lạc trên phần đất giữa 2 “bar đúc” số 371 – 373, là lối đi xuống chợ các hộ dân tự lấn chiếm. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T cho rằng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã C lúc bấy giờ là ông Ba T7 cấp cho ở từ khoảng 1985 đến 2019, sau đó ông cố lại cho đứa cháu nhưng không có giấy tờ gì chứng minh vì đã bị thất lạc. Ngoài ra, ông T không cung cấp chứng cứ nào khác chứng minh quyền sử dụng phần đất giữa 2 “bar đúc” số 371 – 373. Do đó yêu cầu xin sửa chữa nhà tự lấn chiếm trên phần đất không có giấy tờ hợp pháp nào chứng minh ông T có quyền sử dụng đất nên không được chính quyền địa phương xem xét giải quyết là phù hợp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T xuất trình “Đơn xin thỉnh cầu xem xét được hưởng chính sách đãi ngộ đã có công lao với sự nghiệp cách mạng” ngày 12/5/1995 có chính quyền địa phương xác nhận nhưng không phải giấy tờ xác lập quyền sử dụng đất làm cơ sở để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét chấp thuận cho sửa chữa nhà theo quy định.

[3.3] Căn cứ Tờ trình số 318/TTr-STNMT ngày 31/8/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T8 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án: Kè chống sạt lở cấp bách kết hợp đê bao chống lũ bờ sông thành phố C (đoạn từ công viên 30 tháng 4 đến đường S). Địa điểm phường C, thành phố C; Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh A quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường Dự án đầu tư xây dựng Kè chống sạt lở cấp bách kết hợp đê bao chống lũ bờ sông thành phố C (đoạn từ công viên 30 tháng 4 đến đường S); Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh A quyết định về việc phê duyệt bổ sung chi phí bồi thường dự án đầu tư xây dựng Kè chống sạt lở cấp bách kết hợp đê bao chống lũ bờ sông thành phố C (đoạn từ công viên 30 tháng 4 đến đường S), qua kiểm đếm các hộ trong danh sách bồi thường, hỗ trợ di dời và cấp nền tái

định cư thì hộ ông T không có tên trong danh sách nhận tiền hỗ trợ do ông không thuộc đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ, giải tỏa di dời và cấp nền tái định cư. Do đó yêu cầu của ông đòi nhận tiền bồi thường, được cấp nền nhà ở, được tiền hỗ trợ di dời đối với diện tích đất bị giải tỏa không được Ban quản lý dự án và chính quyền địa phương xem xét là có căn cứ.

[3.4] Đối với yêu cầu tố cáo lãnh đạo, công chức phường C, Thẩm phán Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc và Thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh An Giang không thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nhận định và bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì Thẩm phán cấp sơ thẩm ngụy tạo chứng cứ, và tố cáo hành vi của cán bộ tham nhũng cắt xén chế độ bồi thường của người dân, đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra đối với vụ án tham nhũng. Xét, ông T không trình bày và nêu các tài liệu, chứng cứ Tòa án cấp sơ thẩm đã có vi phạm tố tụng gây ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Đối với nội dung kháng cáo liên quan đến việc tố cáo hành vi của các cán bộ địa phương và đề nghị chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra, để điều tra đối với vụ án tham nhũng thì không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại 203 Luật tố tụng hành chính (xét xử lại bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật đối với nội dung có kháng cáo, kháng nghị), nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1953 nên được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính,

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Văn T;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 13/2023/HC-ST ngày 05/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;

Áp dụng Điều 123, Điều 128 Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu của ông Phạm Văn T về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố C cấp phép để ông sửa chữa căn nhà ở tổ B, khóm E, phường C;

Bác yêu cầu của ông Phạm Văn T khởi kiện đòi bồi thường tiền, cấp nền nhà ở, tiền hỗ trợ di dời tái định cư.

2. Ông Phạm Văn T được miễn án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- NKK (1);
- NBK (1);
- NLQ (1);
- Lưu (10) 18b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên